

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 179/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 9 - 2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Tấn Hậu;
- Ông Nguyễn Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 301/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 393/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 381/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Hữu Th, sinh năm 1990

Cư trú: Số 538/15H, khóm Đ3, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Kim H, sinh năm 1993

Cư trú: Số 538/15H, khóm Đ3, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa ông Th vắng mặt và có đơn xin vắng mặt; bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lê Hữu Th trình bày:

Ông Lê Hữu Th và bà Phạm Thị Kim H tự nguyện quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố X, tỉnh An Giang vào năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với gia đình chồng, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Quá trình chung sống chung cũng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách nghĩ cách sống, rồi cự cãi, có lúc nóng giận quá ông Th đã đánh bà H. Nhưng sau đó vợ chồng vẫn hàn gắn được. Đến khi dịch Covid-19 xảy ra, bà H làm công nhân nhà máy, nhà máy bị bùng dịch thì bà H đòi ra ở trọ bên ngoài một mình để tránh lây dịch cho gia đình. Sau khi ra ở trọ thì bà H thường hay đăng lên mạng xã hội than thở cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chê bai chồng, nói chồng gây nợ nần. Ông Th có nhắc nhở việc gia đình đừng đăng lên mạng, nhưng bà H không nghe. Sau đó, đến cuối năm 2021 thì bà H bỏ đi thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân trên đó. Từ lúc bùng phát dịch Covid-19 đến nay, bà H bỏ bê không chăm sóc con cái, không quan tâm đến chồng con. Bà H chỉ thỉnh thoảng về thăm con. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không thể kéo dài, nên ông Th nộp đơn khởi kiện xin ly hôn. Kể từ khi ông Th xin ly hôn thì bà H cũng không liên lạc với ông Th nữa. Nay ông Th kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn.

Về con chung: Ông Th và bà H có 01 con chung là cháu Lê Phạm Kim N, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2015. Kể từ khi cháu N chào đời đến nay đều do một tay mẹ ông Th và ông Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H bỏ đi thì cháu N vẫn sống chung với ông Th và do ông Th nuôi dưỡng. Nên sau khi ly hôn ông Th yêu cầu được nuôi cháu N và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Thị Kim H: Không cung cấp ý kiến và tài liệu, chứng cứ có liên quan cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng đương sự vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa,

- Ông Th vắng mặt, có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bà H vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân và gia đình: ông Lê Hữu Th và bà Phạm Thị Kim H tự nguyện quen biết, tìm hiểu tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do khác nhau về cách nghĩ, cách sống, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Ông Th yêu cầu ly hôn, bà H vắng mặt trong quá trình hòa giải thể hiện không có ý định hàn gắn. Quan hệ hôn nhân giữa ông Th và bà H đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục thực hiện tình nghĩa vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt; nên căn cứ Điều 19, Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Th. Về con chung, ông Th và bà H có một con chung là Lê Phạm Kim N sinh năm 2015, cháu hiện do ông Th nuôi dưỡng, cháu có nguyện vọng tiếp tục được sống chung với cha do mẹ cháu bỏ đi. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của ông Th về việc nuôi con, không xem xét về cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Lê Hữu Th và bà Phạm Thị Kim H kết hôn có đăng ký kết hôn; ông Th khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết vấn đề con chung, còn bà H là người có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố X. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị Kim H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà H vẫn vắng mặt không lý do. ông Lê Hữu Th vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Th và bà H tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố X, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 10 tháng 10 năm 2013. Xét thấy: ông Th kiên quyết xin ly hôn vì ông cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, cách nghĩ cách sống, đã

nhiều lần cố hàn gắn nhưng không được, từ lúc bùng phát dịch Covid-19 bà H không còn quan tâm chăm sóc chồng con, bà H đã bỏ đi vợ chồng không còn chung sống. Về phía bà H, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, cũng như mở phiên tòa lần thứ hai nhưng bà H vẫn vắng mặt và không có ý kiến, điều này thể hiện bà H không có nguyện vọng đoàn tụ. Việc bà H bỏ đi, mà ông Th không thể thuyết phục vợ chồng cùng chung sống, thể hiện bà H và ông Th chưa đủ tin tưởng để cùng chia sẻ, thấu hiểu nhau. Những vấn đề này thể hiện mâu thuẫn của ông Th và bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy: Để cuộc sống gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân đạt được thì vợ chồng phải có tình cảm tự nguyện từ hai phía, chung thủy, tin tưởng, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông Th là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng cho con chung: ông Th xác định ông và bà H có một con chung là cháu Lê Phạm Kim N, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2015. Ông Th yêu cầu sau ly hôn ông được tiếp tục nuôi con, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà H không cung cấp ý kiến về việc nuôi con, cấp dưỡng cho con. Xét thấy: cháu N sống chung với ông Th từ khi chào đời, khi bà H bỏ đi thì cháu N vẫn sống với ông Th, do ông Th nuôi dưỡng. Cháu cũng thể hiện nguyện vọng được tiếp tục sống chung với cha (là ông Th) sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, cần ổn định việc nuôi con để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tinh thần của cháu N, tạo điều kiện cho cháu phát triển bình thường; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Th về việc nuôi con chung, cấp dưỡng cho con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. bà H cũng không cung cấp ý kiến về các vấn đề này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[4] Về án phí: ông Th phải chịu án phí trong vụ án hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 228; 238; 266; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 19; 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116; 117; 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Ông Lê Hữu Th được ly hôn với bà Phạm Thị Kim H.

2. Về con chung:

Ông Lê Hữu Th và bà Phạm Thị Kim H có 01 (một) con chung là cháu Lê Phạm Kim N, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2015.

Ông Lê Hữu Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục cháu Lê Phạm Kim N. Ông Lê Hữu Th và thành viên gia đình không được cản trở bà Phạm Thị Kim H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Phạm Kim N.

Người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn có thể thay đổi theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà Phạm Thị Kim H không phải cấp dưỡng cho cháu Lê Phạm Kim N.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng cho con chung có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Không xem xét.

4. Về án phí:

Ông Lê Hữu Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001519 ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X (đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- UBND p. P, X, An Giang;
(GCNKH ngày 10-10-2013)
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thùy Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Hậu

Nguyễn Thanh Liêm

Nguyễn Thùy Giang